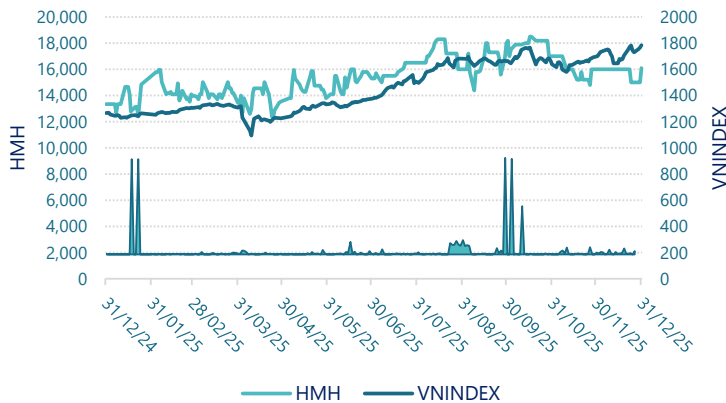




CTCP Hải Minh (HNX: HMH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,400
SL cổ phiếu LH	13,842,229
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,960
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	223
P/E	8.3
EPS	1,944

DT thuần

Q4/25

33.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.80 | 9.3%

YoY: ▲ 3.60 | 12.2%

LN sau thuế

Q4/25

5.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.83 | -43.2%

YoY: ▲ 3.29 | 188%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

25.5%

+/- YoY: ▲ 6.2%

DT thuần

2025

122

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0 | 12.9%

LN sau thuế

2025

27.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.90 | 49.1%

ROE

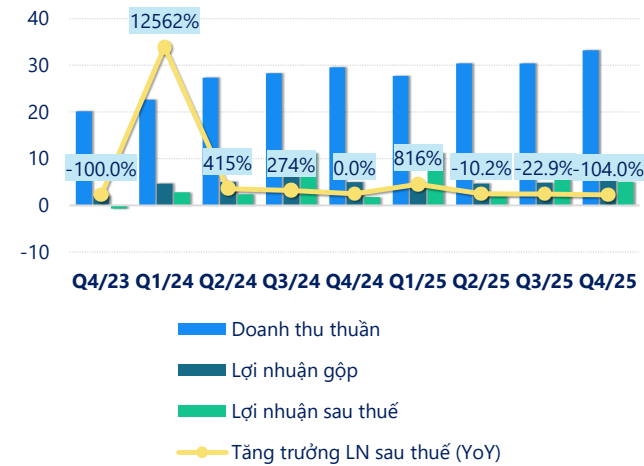
2025

11.6%

+/- YoY: ▲ 3.1%

tỷ VNĐ

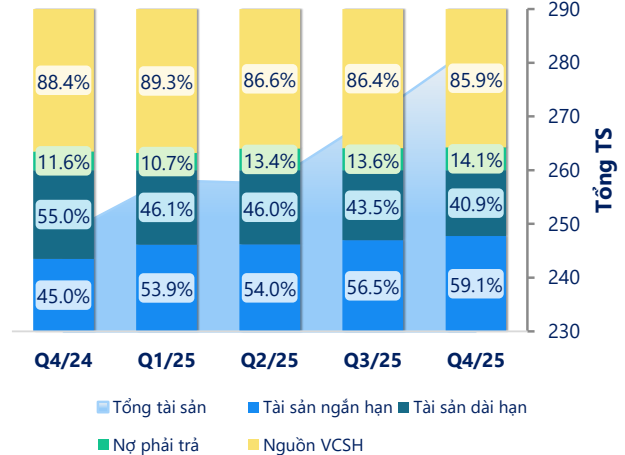
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

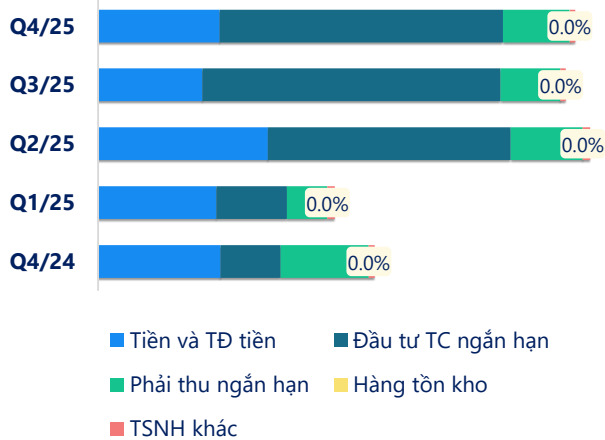
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



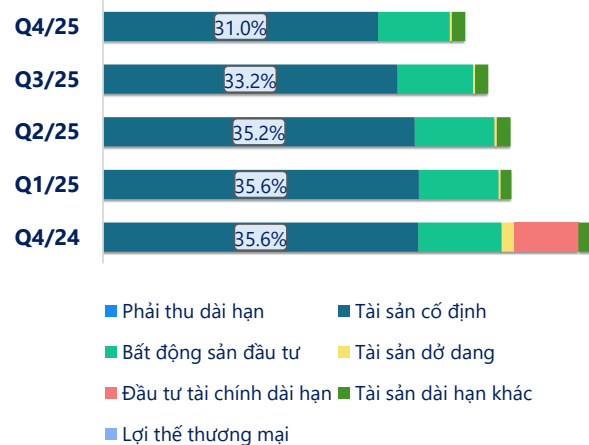
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

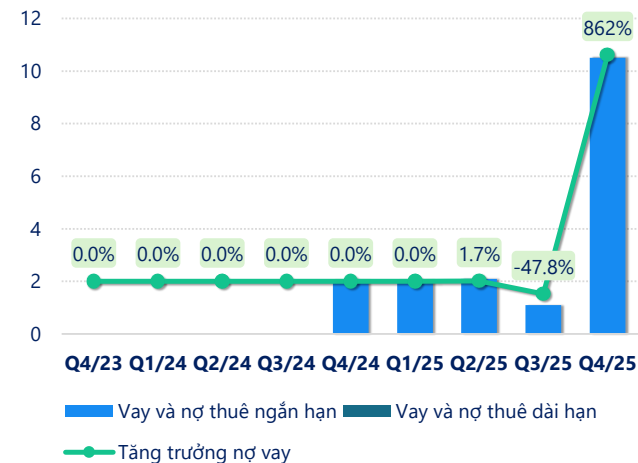
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

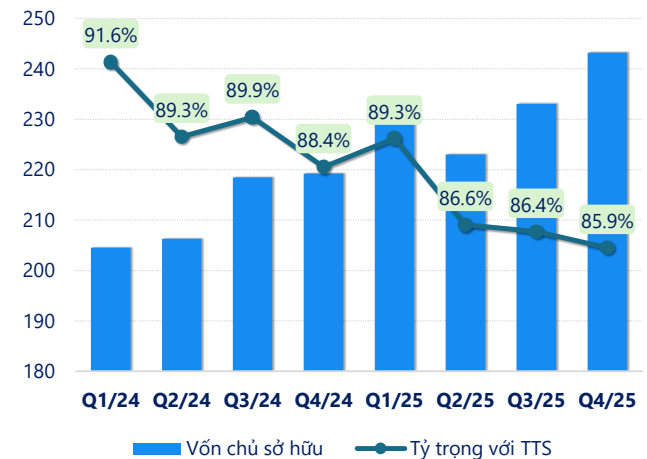
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

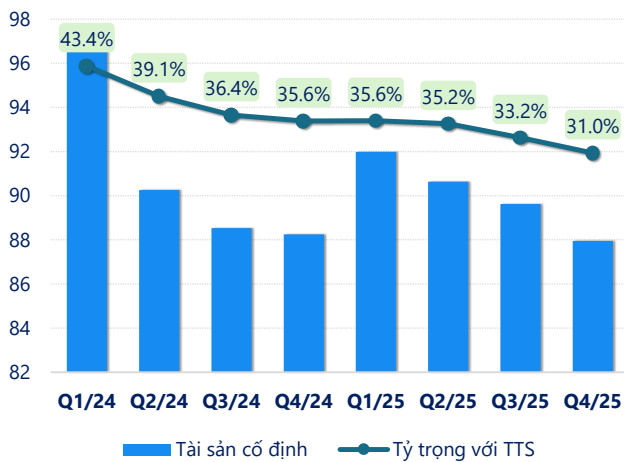

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

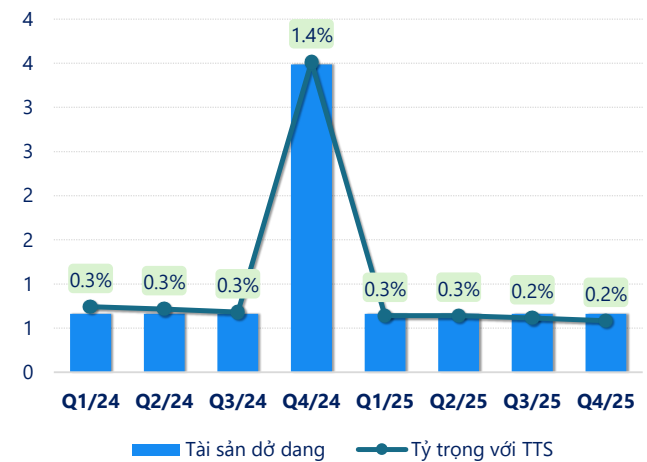

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

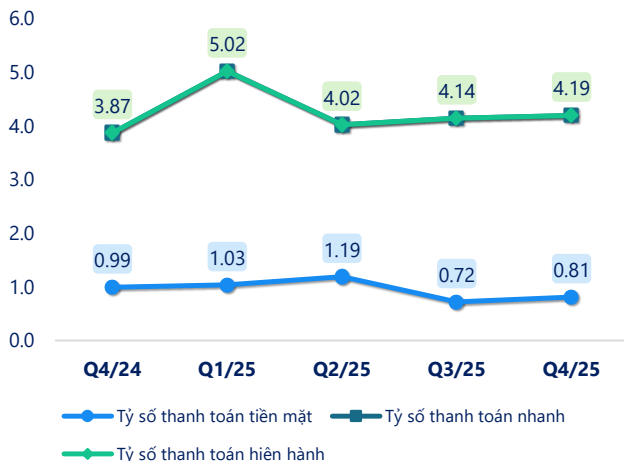
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

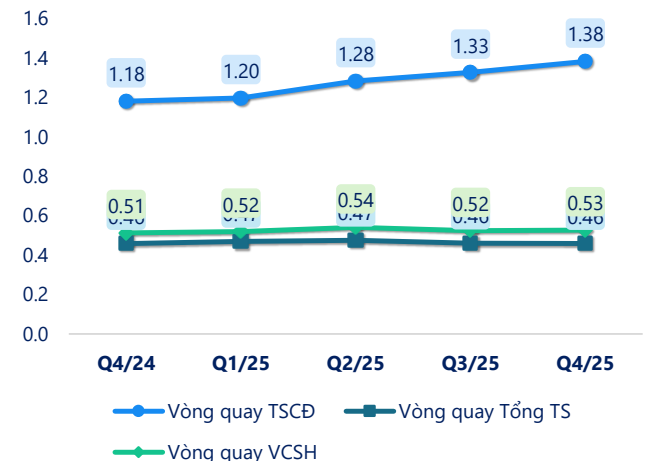
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	248	258	258	270	283
Tài sản ngắn hạn	112	139	139	153	167
Tiền và tương đương tiền	28.6	28.7	41.1	26.5	32.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.1	90.7	75.4	104	116
Phải thu ngắn hạn	15.6	18.1	20.7	20.8	17.4
Hàng tồn kho	0.03	0.03	0.03	0.05	0.03
Tài sản ngắn hạn khác	1.29	1.60	1.96	1.38	1.23
Tài sản dài hạn	136	119	118	117	116
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	88.3	92.0	90.6	89.6	88.0
Bất động sản đầu tư	23.4	23.2	23.1	23.0	22.9
Tài sản dở dang	3.49	0.66	0.66	0.66	0.66
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.37	3.12	3.98	3.95	4.30
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	28.8	27.7	34.6	36.8	40.1
Nợ ngắn hạn	28.8	27.7	34.6	36.8	39.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.06	2.06	2.09	1.09	10.5
Phải trả người bán ngắn hạn	8.54	7.16	6.50	4.86	4.94
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0.15
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	219	230	223	233	243
Vốn chủ sở hữu	219	230	223	233	243
Vốn điều lệ	132	132	132	133	138
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)